



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Chương	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)
Ông Đinh Việt Cường	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 15/09/2015)
Bà Nguyễn Thị Trường	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 15/09/2015)
Ông Phạm Quý Hồng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)
Bà Sừ Bùi Bảo Ngọc	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 15/09/2015)
Ông Hoàng Trung Dũng	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Hoàng Trung Dũng	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 15/09/2015)
Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/09/2015)
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm lại ngày 01/10/2015)
Ông Hoàng Bình Dương	Phó Tổng giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/10/2015)
Ông Phạm Quý Hồng	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/10/2015)

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ



Hoàng Trung Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

Số: 91 -16/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của kỳ này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm Dầu mỏ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 23/03/2015.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2013-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.337.259.082	79.243.542.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	5.062.696.785	8.512.768.173
1. Tiền	111		1.762.696.785	2.012.768.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	6.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.629.454.850	16.111.643.998
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	13.639.217.798	15.188.256.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	377.700.000	118.165.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	351.580.258	1.442.911.994
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(739.043.206)	(637.689.554)
IV. Hàng tồn kho	140		37.573.481.301	54.052.041.897
1. Hàng tồn kho	141	V.5.	37.573.481.301	54.052.041.897
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.626.146	567.088.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	567.088.856
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	71.626.146	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.663.451.309	6.391.133.539
II. Tài sản cố định	220		3.125.629.135	6.137.392.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3.125.629.135	4.704.871.629
- Nguyên giá	222		35.338.739.539	35.240.705.239
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.213.110.404)	(30.535.833.610)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	1.432.520.529
- Nguyên giá	228		2.910.231.420	4.719.731.030
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.910.231.420)	(3.287.210.501)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.625.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	-	2.625.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.537.822.174	251.116.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	1.537.822.174	251.116.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		61.000.710.391	85.634.676.463

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C NỢ PHẢI TRẢ	300		9.518.461.032	31.236.338.153
I. Nợ ngắn hạn	310		9.518.461.032	31.236.338.153
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	2.432.874.605	1.136.424.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	29.414.737	1.081.231.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	291.762.384	293.948.358
4. Phải trả người lao động	314		1.929.656.865	2.732.685.795
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14.	144.110.720	161.812.597
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.	836.296.502	470.879.960
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9.	3.704.371.996	24.750.132.099
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		149.973.223	609.224.279
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.482.249.359	54.398.338.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	50.751.255.321	53.667.344.272
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.639.600.000	39.639.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.639.600.000	39.639.600.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.760.194.445	6.276.128.505
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.351.460.876	7.751.615.767
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		730.994.038	730.994.038
1. Nguồn kinh phí	431	V.17.	66.371.540	730.994.038
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		664.622.498	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		61.000.710.391	85.634.676.463

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

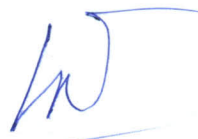
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập



Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phùng Giang Nam

Tổng Giám đốc



Hoàng Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	104.058.678.211	138.608.728.508
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	305.650.549	386.532.152
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		103.753.027.662	138.222.196.356
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	71.191.129.841	95.966.813.707
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32.561.897.821	42.255.382.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	63.599.916	241.107.960
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	1.345.615.237	1.788.122.391
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.154.755.099	1.537.074.383
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	14.586.483.074	19.725.391.256
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	11.769.166.662	11.799.838.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4.924.232.764	9.183.138.214
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	99.471.305	412.360.562
12. Chi phí khác	32	VI.7.	16.051.153	34.700.000
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		83.420.152	377.660.562
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.007.652.916	9.560.798.776
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	1.151.689.895	2.148.519.731
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.855.963.021	7.412.279.045
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	972,76	1.869,92

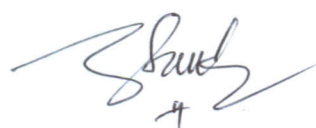
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh



Phùng Giang Nam



Hoàng Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		121.255.412.918	153.793.392.633
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.645.260.732)	(134.682.601.868)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.323.967.584)	(9.717.607.877)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(793.628.687)	(1.287.347.964)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.352.404.692)	(2.714.444.974)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.302.884.750	5.182.036.735
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.410.364.212)	(17.293.572.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.032.671.761	(6.720.145.390)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(148.439.500)	(509.422.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.866.919	75.750.496
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(96.572.581)	(433.671.504)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		37.928.520.231	92.032.559.910
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(58.974.280.334)	(79.960.302.136)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.340.480.580)	(6.173.478.590)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.386.240.683)	5.898.779.184
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.450.141.503)	(1.255.037.710)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.512.768.173	9.767.752.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		70.115	53.108
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	5.062.696.785	8.512.768.173

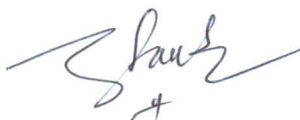
Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Hồng Hạnh



Phùng Giang Nam



Hoàng Trung Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103003456 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2003. Công ty đã có 7 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 12 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **39.639.600.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh và cho thuê kho bãi chứa dung môi, dầu gốc;
- Dịch vụ nhập ủy thác và tạm nhập tái xuất;
- Kinh doanh, sửa chữa ô tô, thiết bị máy móc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Dịch vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực hóa dầu, dịch vụ quan trắc môi trường, tư vấn môi trường;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Sản xuất - kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ bôi trơn và bảo quản dầu phanh và các chất lỏng thủy lực; các sản phẩm có nguồn gốc dầu mỏ, hóa chất, các chất lỏng chuyên dụng và vật liệu mới phục vụ cho công nghiệp, tiêu dùng và an ninh quốc phòng;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại và độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Thu gom rác thải không độc hại và độc hại;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Trụ sở công ty: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp**Thông tin về chi nhánh**

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Phát triển Phụ gia và Sản phẩm dầu mỏ

Địa chỉ: 506/11/19 đường Nguyễn Ảnh Thủ, khu phố 4, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Mã số chi nhánh: 0101438047-001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại và trình bày lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phải sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

Trong đó:

- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô
- + Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản khác	03

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

6.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chuyển giao công nghệ

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao (Năm)**

Chuyển giao công nghệ

5 - 6

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí đặt quyền thuê đất, chi phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Tiền đặt quyền thuê đất thể hiện số tiền đã trả để đạt được quyền thuê đất đất. Chi phí đặt quyền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và và tiền thuê đất phải trả chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Cơ sở xác định của các khoản chi phí trích trước lãi vay là hợp đồng vay, thời hạn vay, lãi suất vay, cơ sở xác định khoản chi phí phải trả là tiền thuê đất là hợp đồng thuê đất.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá từ dầu nhờn, dầu bôi trơn, phụ gia....

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**16.1 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền	1.762.696.785	2.012.768.173
Tiền mặt	492.928.580	201.272.635
Tiền gửi ngân hàng	1.269.768.205	1.811.495.538
Tiền VND	1.250.343.567	1.807.807.495
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	939.244.703	1.437.282.630
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	835.000	967.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hai Bà Trưng	1.500.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam	308.763.864	369.557.865
Tiền USD	19.424.638	3.688.043
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thành Đô	19.424.638	3.688.043
Các khoản tương đương tiền	3.300.000.000	6.500.000.000
Tiền gửi VND Ngân hàng ĐT&PT VN - CN Thành Đô (*)	3.300.000.000	6.500.000.000
Cộng	3.300.000.000	6.500.000.000

(*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thành Đô; kỳ hạn: 01 tháng, lãi suất: 4,5%/năm theo hợp đồng tiền gửi số 311215/HĐTGTĐ-APP ngày 31/12/2015, hợp đồng tiền gửi số 30122015/HĐTGTĐ-APP ngày 30/12/2015 và hợp đồng tiền gửi số 251215/HĐTGTĐ-APP ngày 25/12/2015.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH một thành viên Apatít Việt Nam	797.004.890	-	1.782.561.990	-
CN Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên	-	-	626.752.480	-
Công ty TNHH Dầu khí Thiên Nga	587.951.445	-	883.611.972	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Anh Phúc	589.605.816	-	775.545.046	-
Công ty CP Ô tô TMT	1.266.471.195	-	-	-
Công ty TNHH Dầu khí Đông Á	590.597.965	-	-	-
Đối tượng khác	9.807.586.487	739.043.205	11.119.784.570	637.689.554
Cộng	13.639.217.798	739.043.205	15.188.256.058	637.689.554

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Trung tâm Quan trắc Môi trường	-	76.000.000
Công ty CP Thiết bị điện ACE	66.000.000	-
Công ty TNHH MTV CK Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	311.700.000	-
Công ty Cổ phần Greenhouses Việt Nam	-	38.065.500
Đối tượng khác	-	4.100.000
Cộng	377.700.000	118.165.500

4. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các khoản phải thu ngắn hạn	86.111.258	-	1.392.911.994	-
+ Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà (*)	-	-	1.264.838.028	-
+ BHXH nộp thừa	1.058.688	-	1.058.688	-
+ Thuế đất	-	-	124.312.500	-
+ Lãi tiền gửi ngân hàng	229.166	-	2.702.778	-
+ Phải thu Thuế TNCN	84.823.404	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tạm ứng	265.469.000	-	50.000.000	-
+ Bùi Đức Ninh	61.114.000	-	-	-
+ Lưu thị Hồng Ngọc	57.191.000	-	-	-
+ Vũ Quý Lâm	-	-	50.000.000	-
+ Đối tượng khác	147.164.000	-	-	-
Cộng	351.580.258	-	1.442.911.994	-

(*) Trong kỳ, Công ty đã xử lý khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" phát sinh từ các năm tài chính trước với giá trị là 1.264.838.028 đồng. Trong đó:

+ Xử lý vào lợi nhuận sau thuế với số tiền 497.051.328 đồng theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2015 và phương án phân chia lợi nhuận theo tờ trình số 20/TTr-PGDM ngày 21/4/2015 của Chủ tịch hội đồng quản trị (trong phương án phân chia lợi nhuận chưa nêu rõ dùng số lợi nhuận sau thuế này để bù đắp cho các khoản phải thu về "Khoản tận thu phế liệu và tiền thuê nhà" nêu trên);

+ Xử lý 464.358.700 đồng vào Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2015 ngày 15/6/2015, Nghị quyết hội nghị người lao động năm 2014 ngày 29/4/2014, Biên bản họp ngày 26/6/2015 của toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty và Giấy đề nghị ngày 29/6/2015 của Chủ tịch Công đoàn về việc hoàn trả số tiền trên bằng quỹ khen thưởng phúc lợi;

+ Thu hồi của một số cá nhân và nhập quỹ tiền mặt của Công ty với giá trị 303.428.000 đồng.

5. Hàng tồn kho	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.596.439.110	-	34.830.001.114	-
Công cụ, dụng cụ	374.104.441	-	184.159.502	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.129.518.014	-	1.774.717.423	-
Thành phẩm	15.465.909.689	-	17.260.027.221	-
Hàng hóa	7.510.047	-	3.136.637	-
Cộng	37.573.481.301	-	54.052.041.897	-

6. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	-	2.625.000
Máy lọc nước	-	2.625.000
Cộng	-	2.625.000

7. Chi phí trả trước	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	94.407.871	224.751.048
Bảo hiểm cháy nổ	48.591.667	24.333.333
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đất Phú Thị	1.394.822.636	-
Các khoản khác	-	2.032.000
Cộng	1.537.822.174	251.116.381

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2015	9.904.828.664	19.127.273.454	6.006.219.567	202.383.554	35.240.705.239
Mua trong năm	-	172.175.000	-	-	172.175.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(74.140.700)	-	-	(74.140.700)
Số dư ngày 31/12/2015	9.904.828.664	19.225.307.754	6.006.219.567	202.383.554	35.338.739.539
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2015	8.375.789.164	17.313.381.656	4.648.009.790	198.653.000	30.535.833.610
Khấu hao trong kỳ	428.917.627	638.340.182	680.429.131	3.730.554	1.751.417.494
Thanh lý, nhượng bán	-	(74.140.700)	-	-	(74.140.700)
Số dư ngày 31/12/2015	8.804.706.791	17.877.581.138	5.328.438.921	202.383.554	32.213.110.404
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	1.529.039.500	1.813.891.798	1.358.209.777	3.730.554	4.704.871.629
Tại ngày 31/12/2015	1.100.121.873	1.347.726.616	677.780.646	-	3.125.629.135

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.764.859.537 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.784.221.297 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phú Thị, Xã Phú Thị,
Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	3.257.777.996	3.257.777.996	31.689.757.931	49.182.119.747	20.750.139.812	20.750.139.812
Vay cán bộ nhân viên (ii)	446.594.000	446.594.000	6.238.762.300	9.792.160.587	3.999.992.287	3.999.992.287
Tổng cộng	3.704.371.996	3.704.371.996	37.928.520.231	58.974.280.334	24.750.132.099	24.750.132.099

(i) Vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 878/40407/2015/HĐTD ngày 01/07/2015. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể, thời hạn vay 6 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản trên đất và máy móc thiết bị tại khu Công nghiệp Phú Thị; máy móc thiết bị dự án Hải Phòng, xe ô tô tải Hino BKS 30N - 2037, hàng Tồn kho luân chuyển, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng tại Hà Nội, hệ thống thiết bị đóng chai dầu nhờn, hệ thống xử lý thùng phuy và 01 ô tô Blind Van.

(ii) Vay cán bộ nhân viên công ty, các khoản vay có thể tự gia hạn từng năm một. Mục đích sử dụng tiền vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất 7%/năm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Chuyển giao công nghệ	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2015	1.809.499.610	2.910.231.420	4.719.731.030
Phân loại lại	(1.809.499.610)	-	(1.809.499.610)
Số dư ngày 31/12/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2015	376.979.081	2.910.231.420	3.287.210.501
Khấu hao trong năm	18.848.946	-	18.848.946
Phân loại lại	(395.828.027)	-	(395.828.027)
Số dư ngày 31/12/2015	-	2.910.231.420	2.910.231.420
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	1.432.520.529	-	1.432.520.529
Tại ngày 31/12/2015	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.910.231.420 VND

11. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
CN DNTN Sản xuất Hoàng Nguyên	160.194.265	160.194.265	192.485.756	192.485.756
Công ty TNHH TM Nam Hải	-	-	164.560.000	164.560.000
Công ty TNHH TM XD Vận tải Thành Đạt Phát	9.457.800	9.457.800	133.787.500	133.787.500
Champoil oil and Chemical Co., Ltd	970.262.060	970.262.060	-	-
Công ty TNHH Phú Bình	177.629.936	177.629.936	-	-
Công ty TNHH Thương mại Nam Hải	126.337.200	126.337.200	-	-
Công ty CP Hóa dầu VHP	254.331.000	254.331.000	-	-
Công ty TNHH MTV CK Chuyên dụng Bắc Bộ Trường	311.700.000	311.700.000	-	-
Các đối tượng khác	422.962.344	422.962.344	645.590.769	645.590.769
Cộng	2.432.874.605	2.432.874.605	1.136.424.025	1.136.424.025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		
Cửa hàng phụ tùng xe máy Khoa Đào	-	754.723.669
Thảo Chân	-	261.713.760
Công ty TNHH VTTB Hồng Phát	-	63.294.000
Đối tượng khác	29.414.737	1.499.611
Cộng	29.414.737	1.081.231.040

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2015
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	120.817.014	1.896.368.150	1.763.948.342	253.236.822
Thuế thu nhập doanh nghiệp	139.911.574	1.151.689.895	1.280.778.546	10.822.923
Thuế thu nhập cá nhân	5.517.131	-	5.517.131	-
Thuế khác	27.702.639	178.345.669	178.345.669	27.702.639
Cộng	293.948.358	3.226.403.714	3.228.589.688	291.762.384

14. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí lãi vay phải trả	3.710.720	33.193.506
Chi phí điện nước	-	51.869.091
Tiền thuê đất	140.400.000	-
Chi phí quan trắc phân tích môi trường lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và lập đề án bảo vệ môi trường	-	76.750.000
Cộng	144.110.720	161.812.597

15. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn	67.401.499	63.911.500
- Bảo hiểm xã hội	116.962.633	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	507.264.020	298.200.600
- Trợ cấp thôi việc	142.674.750	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.993.600	108.767.860
Cộng	836.296.502	470.879.960

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	39.639.600.000	8.247.113.622	47.886.713.622
Lãi trong năm trước	-	7.894.140.974	7.894.140.974
Phân phối lợi nhuận	-	(8.389.638.829)	(8.389.638.829)
Số dư tại ngày 31/12/2014	39.639.600.000	7.751.615.767	47.391.215.767
Lãi trong kỳ này	-	3.855.963.021	3.855.963.021
Phân phối lợi nhuận	-	(7.256.117.912)	(7.256.117.912)
Số dư tại ngày 31/12/2015	39.639.600.000	4.351.460.876	43.991.060.876

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Vốn Nhà Nước	-	17.544.460.000
Vốn của các cổ đông khác	39.639.600.000	22.095.140.000
Cộng	39.639.600.000	39.639.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.639.600.000	39.639.600.000
Vốn góp đầu năm	39.639.600.000	39.639.600.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	39.639.600.000	39.639.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.340.480.580	6.173.478.590

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.963.960
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu phổ thông	3.963.960	3.963.960
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ Cổ phiếu	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

e) Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2015	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2015
Quỹ đầu tư phát triển	6.276.128.505	484.065.940	-	6.760.194.445
Cộng	6.276.128.505	484.065.940	-	6.760.194.445

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 6,67% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

17. Nguồn kinh phí	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	730.994.038	730.994.038
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	730.994.038	730.994.038
18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	31/12/2015	01/01/2015
<i>Ngoại tệ các loại:</i>		
Tiền gửi ngân hàng		
USD	172,54	865,24

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	104.058.678.211	138.608.728.508
Cộng	104.058.678.211	138.608.728.508

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	195.867.421	153.078.344
Hàng bán bị trả lại	109.783.128	233.453.808
Cộng	305.650.549	386.532.152

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.191.129.841	92.230.674.218
Giá vốn khác	-	3.736.139.489
Cộng	71.191.129.841	95.966.813.707

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	48.817.258	66.761.080
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.136.494	27.440.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	646.164	146.906.055
Cộng	63.599.916	241.107.960

5. Chi phí tài chính

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	1.154.755.099	1.537.074.383
Chênh lệch tỷ giá	190.857.059	251.029.323
Chi phí tài chính khác	3.079	18.685
Cộng	1.345.615.237	1.788.122.391

6. Thu nhập khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	454.545	264.545.454
Tiền phạt thu được	60.695.876	20.876.006
Xử lý hàng tồn kho thừa do kiểm kê	37.945.105	-
Các khoản khác	375.779	126.939.102
Cộng	99.471.305	412.360.562

7. Chi phí khác

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí từ phạt vi phạm lĩnh vực PCCC	16.051.153	34.700.000
Cộng	16.051.153	34.700.000

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a, Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	11.769.166.662	11.799.838.748
Chi phí nhân viên quản lý	5.599.174.172	4.724.489.164
Chi phí vật liệu quản lý	14.345.215	18.211.697
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	243.799.879	294.990.232
Chi phí khấu hao TSCĐ	555.006.263	582.888.926
Thuế, phí, lệ phí	15.090.000	9.476.190
Chi phí dự phòng	101.353.652	91.939.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.814.875.579	4.094.030.206
Chi phí bằng tiền khác	3.425.521.902	1.983.813.032

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b, Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	14.586.483.074	19.725.391.256
Chi phí nhân viên quản lý	3.908.953.507	4.780.099.826
Chi phí vật liệu, bao bì	126.199.915	28.539.911
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	89.961.154	155.910.369
Chi phí khấu hao TSCĐ	584.379.733	471.846.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.218.803.557	9.114.631.962
Chi phí bằng tiền khác	3.658.185.208	5.174.362.561
Cộng	26.355.649.736	31.525.230.004

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	103.916.098.883	138.875.664.878
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	98.681.144.814	129.109.666.102
<i>Chi phí bị loại khi tính thuế</i>	<i>227.301.153</i>	<i>205.200.000</i>
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.234.954.069	9.765.998.776
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.151.689.895	2.148.519.731

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	79.537.529.458	119.119.026.928
Chi phí nhân công	11.251.909.434	12.196.663.423
Chi phí khấu hao	1.770.266.440	2.027.439.906
Chi phí mua ngoài	9.432.721.615	377.281.503
Chi phí bằng tiền khác	7.915.212.753	21.885.882.157
Cộng	109.907.639.700	155.606.293.917

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.855.963.021	7.412.279.045
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.855.963.021	7.412.279.045
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.963.960	3.963.960
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	973	1.870

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	37.928.520.231	92.032.559.910
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	58.974.280.334	79.960.302.136

VIII Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. Thông tin về bên liên quan**Thu nhập của Ban Giám đốc**

	Năm 2015 VND
Lương	804.377.355
Tiền thưởng	50.500.000
Các khoản phúc lợi khác	222.780.000
Cộng	1.077.657.355

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận địa lý của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

	Miền Bắc		Miền Nam		Tổng cộng	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	93.557.945.224	126.415.328.439	10.195.082.438	11.806.867.917	103.753.027.662	138.222.196.356
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	93.557.945.224	126.415.328.439	10.195.082.438	11.806.867.917	103.753.027.662	138.222.196.356
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.392.137.013	38.729.022.292	3.169.760.808	3.526.360.357	32.561.897.821	42.255.382.649
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	59.040.025.238	83.294.808.079	1.922.740.048	2.339.868.384	60.962.765.286	85.634.676.463
Nợ phải trả bộ phận	7.587.373.061	28.896.469.769	1.922.740.048	2.339.868.384	9.510.113.109	31.236.338.153
mua tài sản bộ phận sử dụng nhiều hơn một niên độ	(148.439.500)	(509.422.000)	-	-	(148.439.500)	(509.422.000)
Chi phí khấu hao TSCĐ và Chi phí trả trước	(1.394.379.298)	(1.423.473.080)	(704.626.713)	(157.864.643)	(2.099.006.011)	(1.581.337.723)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn của bộ phận).	-	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***4. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.9, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.062.696.785	8.512.768.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.251.754.850	15.993.478.498
Cộng	18.314.451.635	24.506.246.671
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.704.371.996	24.750.132.099
Phải trả người bán và phải trả khác	3.269.171.107	1.607.303.985
Chi phí phải trả	144.110.720	161.812.597
Cộng	7.117.653.823	26.519.248.681

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2015 do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính tổng hợp Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2015 như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	3.639.438	3.688.043

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.269.171.107	-	3.269.171.107
Chi phí phải trả	144.110.720	-	144.110.720
Các khoản vay	3.704.371.996	-	3.704.371.996

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.607.303.985	-	1.607.303.985
Chi phí phải trả	161.812.597	-	161.812.597
Các khoản vay	24.750.132.099	-	24.750.132.099

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.062.696.785	-	5.062.696.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.251.754.850	-	13.251.754.850

01/01/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.512.768.173	-	8.512.768.173
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.993.478.498	-	15.993.478.498

5. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Và, như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với số liệu so sánh của kỳ này. Chi tiết số liệu được phân loại, trình bày lại như sau:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)


(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.392.911.994	50.000.000	1.442.911.994
Tài sản ngắn hạn khác	50.000.000	(50.000.000)	-
Vay và nợ ngắn hạn	24.750.132.099	(24.750.132.099)	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	24.750.132.099	24.750.132.099
Quỹ đầu tư phát triển	4.842.536.258	1.433.592.247	6.276.128.505
Quỹ dự phòng tài chính	1.433.592.247	(1.433.592.247)	-

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2016

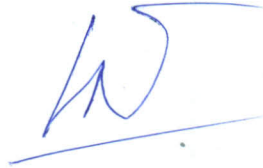
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHỤ GIA VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ

Người lập



Đỗ Hồng Hạnh

Kế toán trưởng



Phùng Giang Nam

Tổng Giám đốc



Hoàng Trung Dũng

